

Số: 275 /QĐ-UBND

Bắc Từ Liêm, ngày 15 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2018 của quận Bắc Từ Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/12/2017 của Hội đồng nhân dân Quận phê chuẩn dự toán ngân sách Quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2018 của quận Bắc Từ Liêm;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của quận Bắc Từ Liêm, cụ thể:

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

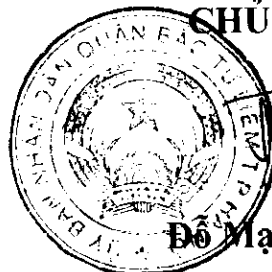
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính;
- TT Quận ủy - HĐND - UBND quận;
- Văn phòng Quận ủy;
- Các phòng, ban thuộc Quận;
- UBND các Phường;
- Công thông tin điện tử của quận;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Đỗ Mạnh Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2018

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH QUẬN	1.215.293
I	Thu ngân sách Quận hưởng theo phân cấp	1.168.670
-	Các khoản thu ngân sách Quận hưởng 100%	246.800
-	Các khoản thu phân chia ngân sách Quận hưởng theo tỷ lệ %	921.870
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	46.623
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách Thành phố	32.432
-	Thu bổ sung mục tiêu ngân sách Thành phố	14.191
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.215.293
I	Tổng chi cân đối ngân sách quận	1.201.102
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	539.400
1.2	Chi thường xuyên	574.204
1.3	Chi dự phòng ngân sách	30.028
1.4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	57.470
II	Chi các chương trình mục tiêu	14.191
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	14.191
III	Chi chuyển nguồn năm sau	

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP QUẬN VÀ
NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2018**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	Ngân sách cấp Quận	
I	Nguồn thu ngân sách cấp Quận	1.170.092.000
1	Thu ngân sách Quận hưởng theo phân cấp	1.123.469.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	46.623.000
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách Thành phố	32.432.000
-	Thu bổ sung mục tiêu ngân sách Thành phố	14.191.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	1.170.092.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Quận theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	1.097.125.825
2	Bổ sung cho ngân sách Phường	72.966.175
	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>69.194.438</i>
	<i>Bổ sung mục tiêu</i>	<i>3.771.737</i>
3	<i>Chi chuyển nguồn sang năm sau</i>	
B	Ngân sách Phường	
I	Nguồn thu ngân sách	118.167.175
1	Thu ngân sách phường hưởng theo phân cấp	45.201.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp quận	72.966.175
-	<i>Thu bổ sung cân đối</i>	<i>69.194.438</i>
-	<i>Thu bổ sung mục tiêu</i>	<i>3.771.737</i>
3	Thu kết dư	0
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách Phường	118.167.175

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2018	
		Tổng thu NSNN	Thu NS quận
1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.074.000	3.003.913
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	-	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	-	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.041.500	1.016.664
-	Thuế giá trị gia tăng	788.100	763.264
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.300	3.300
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.000	250.000
-	Thuế tài nguyên	100	100
-	Thuế môn bài		-
-	Thu khác ngoài quốc doanh		-
5	Thuế thu nhập cá nhân	199.200	181.990
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-
7	Lệ phí trước bạ	290.800	290.800
8	Thu phí, lệ phí	18.100	14.969
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế đất phi nông nghiệp + nhà đất	12.900	
11	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	121.000	121.000
12	Thu tiền sử dụng đất	1.373.000	1.373.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-
16	Thu khác ngân sách	5.800	5.490
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	1.300	
18	Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất	10.400	
II	Thu viện trợ		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN VÀ
CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ngân sách quận	Chia ra	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách phường
	Tổng chi Ngân sách Quận	1.215.293.000	1.097.125.825	118.167.175
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN	1.201.102.000	1.082.934.825	118.167.175
I	Chi đầu tư phát triển	539.400.000	529.000.000	10.400.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	539.400.000	529.000.000	10.400.000
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	289.200.000	289.200.000	
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
1.1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	425.900.000	425.900.000	
1.2	Nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp	103.100.000	103.100.000	
1.3	Chi từ nguồn đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất	10.400.000		10.400.000
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	574.204.000	471.272.325	102.931.675
	Trong đó:			
1	Chi SN Giáo dục, đào tạo	274.551.000	274.551.000	0
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0
III	Chi dự phòng NS	30.028.000	30.028.000	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	57.470.000	52.634.500	4.835.500
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	14.191.000	14.191.000	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0
II	Chi mục tiêu từ ngân sách Thành phố	14.191.000	14.191.000	0
1	KP đặc thù công tác Đảng	5.241.000	5.241.000	
1.1	Kinh phí thường kèm theo huy hiệu Đảng; kinh phí tổ chức các hội nghị trao huy hiệu Đảng và gặp mặt dịp Tết; Kinh phí thực hiện biểu báo Đảng viên từ 50 năm tuổi Đảng trở lên	4.641.000	4.641.000	
1.2	Kinh phí phục vụ đánh giá giữa nhiệm kỳ (báo cáo kiểm điểm, tổ chức các hội nghị, hội thảo, đoàn kiểm tra khảo sát thực tế, lấy ý kiến các phòng, ban, ngành, đoàn thể, nhân dân)	200.000	200.000	
1.3	Mã số hóa văn bản để lưu trữ (Theo công văn số 5408-CV/VPTW ngày 30/11/2017 của Văn Phòng Trung Ương Đảng)	400.000	400.000	
2	Trợ cấp 1 lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen (Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016)	195.000	195.000	
3	Kinh phí hoạt động của Đội thanh tra xây dựng	5.746.000	5.746.000	
4	Kinh phí hoạt động của Trung tâm phát triển quỹ đất	1.950.000	1.950.000	

STT	Nội dung	Ngân sách quận	Chia ra	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách phường
5	Cấp bù học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập	559.000	559.000	
6	Bổ sung các nhiệm vụ quy hoạch giao quận, huyện, thị xã làm chủ đầu tư	500.000	500.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2018*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)**Đơn vị tính: 1000 đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
	Tổng chi Ngân sách Quận	1.170.092.000
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (Bao gồm bổ sung cân đối và bổ sung mục tiêu)	72.966.175
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO LĨNH VỰC	1.097.125.825
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	529.000.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	529.000.000
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	289.200.000
1.2	Chi khoa học và công nghệ	0
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	0
1.4	Chi văn hóa thông tin	70.500.000
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
1.6	Chi thể dục thể thao	0
1.7	Chi bảo vệ môi trường	0
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	109.400.000
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	50.800.000
1.10	Chi bảo đảm xã hội	0
1.11	Lĩnh vực khác	9.100.000
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	485.463.325
	Trong đó:	485.463.325
1.1	Chi SN Giáo dục, đào tạo	275.110.000
1.2	Chi khoa học và công nghệ	0
1.3	Chi SN Y tế	1.636.315
1.4	Chi sự nghiệp Dân số - KHHGD	5.011.616
1.5	Chi SN văn hoá thông tin, du lịch	9.314.555
1.6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
1.7	Chi SN thể dục thể thao	1.963.578
1.8	Chi SN môi trường	44.550.700
1.9	Chi sự nghiệp kinh tế	27.286.570

STT	Nội dung	Dự toán
1.10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng,	70.648.328
1.11	Chi đảm bảo xã hội	34.937.002
1.12	Chi quốc phòng	4.254.419
1.13	Chi An ninh	3.599.893
1.14	Chi mua sắm, sửa chữa	1.915.000
1.15	Chi khác	5.235.349
III	Chi dự phòng NS	30.028.000
IV	Chi dành nguồn CCTL	52.634.500
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2018

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
	Tổng số	1.097.125.825	529.000.000	485.463.325	30.028.000	52.634.500	0	0	0	0
1	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	1.014.463.325	529.000.000	485.463.325	0	0	0	0	0	0
1	Các đơn vị của Quận	870.734.043	430.400.000	440.334.043	0	0	0	0	0	0
1.1	Văn phòng Quận uỷ	16.061.477		16.061.477			0			
1.2	Mặt trận tổ quốc	2.053.440		2.053.440			0			
1.3	Hội phụ nữ	1.569.138		1.569.138			0			
1.4	Hội CCB	873.197		873.197			0			
1.5	Văn phòng HĐND-UBND	14.607.147		14.607.147			0			
1.6	Phòng TNMT	4.965.359		4.965.359			0			
1.7	Phòng tư pháp	1.263.224		1.263.224			0			
1.8	Phòng quản lý đô thị	5.613.579		5.613.579			0			
1.9	Phòng lao động TBXH	30.472.358		30.472.358			0			
1.12	Phòng kinh tế	5.380.294		5.380.294			0			
1.13	Phòng văn hóa thông tin	12.643.030		12.643.030			0			
1.14	Phòng nội vụ	7.035.514		7.035.514			0			
1.15	Phòng thanh tra	1.408.538		1.408.538			0			
1.16	Trạm thú y	200.000		200.000			0			

TT	Tên đơn vị	Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
1.17	Trạm khuyến nông, Bảo vệ thực vật	241.790		241.790			0			
1.18	Phòng giáo dục và đào tạo	4.119.469		4.119.469			0			
1.19	Khối mầm non	86.485.840		86.485.840			0			
1.20	Khối tiểu học	91.939.132		91.939.132			0			
1.21	Khối THCS	66.461.760		66.461.760			0			
1.22	TTBD Chính trị	3.654.903		3.654.903			0			
1.23	Phòng y tế	1.126.245		1.126.245			0			
1.24	Phòng tài chính - Kế hoạch	2.328.371		2.328.371			0			
1.25	Trung tâm dân số KHH GD	5.011.616		5.011.616			0			
1.26	Đội Thanh tra xây dựng	5.746.000		5.746.000			0			
1.27	TT văn hoá thông tin và thể thao	5.392.675		5.392.675			0			
1.28	Ban quản lý dự án ĐTXD	486.755.000	426.500.000	60.255.000			0			
1.29	Đoàn thanh niên CSHCM	1.474.947	0	1.474.947			0			
1.30	Trung tâm phát triển quỹ đất	5.850.000	3.900.000	1.950.000			0			
2	Các đơn vị khác	16.073.050	0	16.073.050	0	0	0	0	0	0
2.1	BCH quân sự	4.254.419	0	4.254.419			0			
2.2	Công an	3.054.000	0	3.054.000			0			
2.3	BQL chợ Từ Liêm	100.000	0	100.000			0			
2.4	Ban chỉ đạo 389 (Đội QL.TT số 33)	150.000	0	150.000			0			
2.5	Tòa án nhân dân	100.000	0	100.000			0			
2.6	Kho bạc nhà nước	100.000	0	100.000			0			

TT	Tên đơn vị	Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHUƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHUƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHUƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
2.7	Chi cục thuế	300.000	0	300.000			0			
2.8	Chi cục thống kê	400.000	0	400.000			0			
2.9	PGD Ngân hàng chính sách XH	100.000	0	100.000			0			
2.10	Liên đoàn lao động	100.000	0	100.000			0			
2.11	Viện kiểm sát nhân dân	100.000	0	100.000			0			
2.12	Chi cục Thi hành án	150.000	0	150.000			0			
2.13	BHXXH	5.024.743	0	5.024.743			0			
2.14	Trung tâm y tế	150.000	0	150.000			0			
2.15	Thanh tra giao thông	75.000	0	75.000			0			
2.16	Phòng CS PCCC Cầu giấy	1.914.888	0	1.914.888			0			
3	Chi hỗ trợ tổ chức XH và XIINN	2.758.435	0	2.758.435	0	0	0	0	0	0
3.1	Hội người mù	422.941	0	422.941			0			
3.2	Hội chữ thập đỏ	677.934	0	677.934			0			
3.3	Ban đại diện người cao tuổi	320.951	0	320.951			0			
3.4	Hội người khuyết tật	276.272	0	276.272			0			
3.5	Hội nạn nhân chất độc da cam	120.000	0	120.000			0			
3.6	Hội khuyến học	193.272	0	193.272			0			
3.7	Hội luật gia	254.793	0	254.793			0			
3.8	Hội cựu TNXP	202.272	0	202.272			0			
3.9	Hội cựu giáo chức	40.000	0	40.000			0			
3.10	Hội đồng y	100.000	0	100.000			0			
3.11	Chi hội kế toán	150.000	0	150.000			0			

TT	Tên đơn vị	Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHUƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHUƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHUƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
4	KP điều hành chung	26.297.797	0	26.297.797			0			
5	UBND các Phường	98.600.000	98.600.000	0	0	0	0	0	0	0
5.1	UBND phường Liên Mạc	600.000	600.000							
5.2	UBND phường Thượng Cát	6.600.000	6.600.000							
5.3	UBND phường Xuân Tảo	5.600.000	5.600.000							
5.4	UBND phường Thụy Phương	200.000	200.000							
5.5	UBND phường Đông Ngạc	19.300.000	19.300.000							
5.6	UBND phường Đức Thàng	900.000	900.000							
5.7	UBND phường Xuân Đình	4.300.000	4.300.000							
5.8	UBND phường Cổ Nhuế 1	300.000	300.000							
5.9	UBND phường Cổ Nhuế 2	300.000	300.000							
5.10	UBND phường Phú Diễn	19.300.000	19.300.000							
5.11	UBND phường Phúc Diễn	1.100.000	1.100.000							
5.12	UBND phường Minh Khai	12.600.000	12.600.000							
5.13	UBND phường Tây Tựu	27.500.000	27.500.000							
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	30.028.000			30.028.000					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	52.634.500				52.634.500				
IV	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	0					0			
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0								0

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13
	TỔNG SỐ	529.000	289.200	0	0	70.500	0	0	0	109.400	96.000	17.300	50.800	0	9.100
1	Ban QLDA ĐTXD Quận	426.500	289.200			4.200				79.900	66.500	7.600	48.000		5.200
2	Trung tâm phát triển quỹ đất	3.900													3.900
3	UBND phường Liên Mạc	600								600	600				
4	UBND phường Thượng Cát	6.600				6.200				400	400				
5	UBND phường Xuân Tảo	5.600				100				5.500	5.500				
6	UBND phường Thụy Phương	200								200	200				
7	UBND phường Đông Ngạc	19.300				17.100				2.200	2.200				
8	UBND phường Đức Thắng	900				100				800	800				
9	UBND phường Xuân Đình	4.300				200				4.000	4.000		100		
10	UBND phường Cổ Nhuế 1	300				200				100	100				
11	UBND phường Cổ Nhuế 2	300				200				100	100				
12	UBND phường Phú Diễn	19.300				12.500				6.800	6.800	6.400			
13	UBND phường Phúc Diễn	1.100				200				100	100		800		
14	UBND phường Minh Khai	12.600				10.600				100	100		1.900		
15	UBND phường Tây Tựu	27.500				18.900				8.600	8.600	3.300			

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
							Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận						Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ					5.483.595	-	5.483.595	128.880	595.088	-	595.088	529.000	-	529.000
I	Ngành, lĩnh vực: Công trình HTKT Giao thông					2.281.746	-	2.281.746	40.800	290.360	-	290.360	86.100	-	86.100
I.1	UBND phường Liên Mạc					44.344	-	44.344	-	400	-	400	500	-	500
1	Chuẩn bị đầu tư					44.344	-	44.344	-	400	-	400	500	-	500
1.1	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Hoàng Liên 1, 2 và Hoàng Xá, phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2018-2019	Số 4744/QĐ-UBND, ngày 27/10/2015	3.430	-	3.430		100	-	100	100		100
1.2	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Yên Nội 1, 2, 3, phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2018-2019	Số 4747/QĐ-UBND, ngày 27/10/2015	12.000	-	12.000		100	-	100	100		100
1.3	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Đại Cát 1, 2, 3, phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2018-2019	Số 4752/QĐ-UBND, ngày 27/10/2015	2.800	-	2.800		100	-	100	100		100
1.4	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Hoàng Liên 1, 2, 3 và Hoàng xá, phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2017-2020	Số 4681/QĐ-UBND, ngày 27/10/2016	13.914	-	13.914		100	-	100	100		100
1.5	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Yên Nội 1, 2, 3 và TDP Đại cát 1, 2, 3, phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2019-2020	Số 4748/QĐ-UBND 27/10/2015	12.200	-	12.200			-	-	100		100
I.2	Ban QLDA DTXD Quận					2.119.199	-	2.119.199	37.800	280.860	-	280.860	66.500	-	66.500
1	Chuẩn bị đầu tư					1.527.133	-	1.527.133	-	200	-	200	1.300	-	1.300
1.1	Cải tạo, chỉnh trang lát hè, bố vỉa đảm bảo văn minh đô thị các khu nhà ở phường Cổ Nhuế 1 (ngõ 2, 42, 120, 198, 208 đường Trần Cung)	Cổ Nhuế 1		2018-2019	7468/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	5.019	-	5.019		100	-	100	100		100
1.2	Cải tạo, chỉnh trang lát hè, bố vỉa khu đầu giá xây dựng nhà ở thấp tầng và khu nhà ở cao tầng thuộc phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	Xuân Đình		2018-2019	6784/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	9.477	-	9.477		100	-	100	100		100
1.3	Xây dựng đường vào trường mầm non Phú Diễn A, phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2019-2020	Số 2196/QĐ-UBND 31/5/2016	14.437	-	14.437			-	-	100		100
1.4	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng) thuộc quận Bắc Từ Liêm	Phường Cổ Nhuế 2, Minh Khai		2017-2019	Số 276/HĐND-KTNS 26/6/2017	1.498.200	-	1.498.200			-	-	1.000		1.000
2	Thực hiện dự án					592.066	-	592.066	37.800	280.660	-	280.660	65.200	-	65.200
2.1	Xây dựng tuyến đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đường vành đai 4	Phường Tây Lư, Minh Khai			2580/QĐ-UBND, ngày 07/4/2008	474.742	-	474.742	37.800	275.560	-	275.560	4.800		4.800

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018		
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
						Tổng số	Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận			Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận		Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2.2	Xây dựng tuyến đường nối từ đường chung cư 11 tầng - cục quản trị A phường Cổ Nhuế 1 đi đường Phạm Văn Đồng	Phường Cổ Nhuế 1		2017-2018	Số 4912/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015	8.000	-	8.000		1.900	-	1.900	5.200		5.200
2.3	Xây dựng tuyến đường Ao Sen (Giáp trường tiểu học Thụy Phương đi qua ngõ 125, qua Đài tưởng niệm liệt sỹ đến ngõ 123), phường Thụy Phương	Phường Thụy Phương		2017-2019	Số 5377/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016	8.717	-	8.717	-	2.700	-	2.700	5.600		5.600
2.4	Cải tạo, đường rãnh thoát nước tuyến đường từ đường 69 Cổ Nhuế đi Cầu Nối, phường Cổ nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2		2017-2018	7979/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	5.820	-	5.820		100	-	100	4.500		4.500
2.5	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ 70 phố Trung Tự tổ dân phố 8, phường Tây Từ	Phường Tây Từ		2018-2019	8083/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	4.148	-	4.148		100	-	100	3.800		3.800
2.6	Duy tu, sửa chữa tuyến đường cơ sở 5m, phường Đồng Ngạc	Phường Đồng Ngạc		2018-2019	8095/QĐ-UBND 27/10/2017	3.206	-	3.206		100	-	100	3.000		3.000
2.7	Xây dựng tuyến đường Phúc Lý, Minh Khai (nối đường từ đường Phúc Diễn - Tây Từ đến đường vào khu trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm)	Phường Minh Khai - Tây Từ		2017-2019	6410/QĐ-UBND 11/9/2017	74.562	-	74.562		100	-	100	32.300		32.300
2.8	Nâng cấp, cải tạo đường dọc 2 bờ sông Pheo, phường Minh Khai	Phường Minh Khai		2017-2019	8081/QĐ-UBND 27/10/2017	12.871	-	12.871		100	-	100	6.000		6.000
1.3	UBND phường Thượng Cát					19.368	-	19.368	-	100	-	100	400	-	400
1	Chuẩn bị đầu tư					19.368	-	19.368	-	100	-	100	400	-	400
1.1	Cải tạo đường, rãnh thoát nước và kết hợp điểm vui chơi ngoài trời TDP Đồng Ba 2,3 phường Thượng Cát	Thượng Cát		2018-2019	7951/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	2.200	-	2.200		100	-	100	100		100
1.2	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 1, 2, 3, 4 và tổ dân phố Đồng Ba 1, 2, 3 phường Thượng Cát	Phường Thượng Cát		2019-2020	Số 4718/QĐ-UBND 27/10/2015	12.331	-	12.331			-	-	100		100
1.3	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 1 và Đồng Ba 2, phường Thượng Cát	Phường Thượng Cát		2019-2020	Số 5008/QĐ-UBND 31/10/2015	1.200	-	1.200			-	-	100		100
1.4	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 2, 3 và tổ dân phố Đồng Ba 1, phường Thượng Cát	Phường Thượng Cát		2019-2020	Số 4750/QĐ-UBND 27/10/2015	3.637	-	3.637			-	-	100		100
1.4	UBND phường Xuân Tảo					14.515	-	14.515	-	300	-	300	5.500	-	5.500
1	Chuẩn bị đầu tư					5.140	-	5.140	-	100	-	100	200	-	200
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 117 TDPI, Ngõ 133 TDPI đường Xuân Đình; Ngõ 24 TDP 4; Ngõ 88 TDP3, Ngõ 108 TDP3 đường Xuân Đình	Phường Xuân Tảo		2017-2018	Số 4850/QĐ-UBND, ngày 29/10/2015	4.335	-	4.335		100	-	100	100		100
1.2	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 62 đường Xuân Đình, TDP số 3 (từ nhà ông Nguyễn Kế Hiền đến nhà ông Nguyễn Duy Tiến), phường Xuân Tảo	Phường Xuân Tảo		2019-2020	Số 4838/QĐ-UBND 29/10/2015	805	-	805			-	-	100		100
2	Thực hiện dự án					9.375	-	9.375	-	200	-	200	5.300	-	5.300
2.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 21, ngõ 29, 33 TDP số 2, ngõ 89 TDP 1 đường Xuân Đình và Ngõ 74 TDP số 3, phường Xuân Tảo	Phường Xuân Tảo		2018-2019	Số 8091/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	1.421	-	1.421		100	-	100	1.300		1.300
2.2	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 105 đường Xuân La. Làm mới, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước tại TDP số 6, 7, 8 phường Xuân Tảo	Phường Xuân Tảo		2018-2020	Số 4839/QĐ-UBND, ngày 29/10/2015	7.954	-	7.954		100	-	100	4.000		4.000
1.5	UBND phường Thụy Phương					8.899	-	8.899	-	-	-	-	200	-	200
1	Chuẩn bị đầu tư					8.899	-	8.899	-	-	-	-	200	-	200

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018						
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
							Ngân sách cấp TP				Ngân sách cấp quận			Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14			
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước cụm 5,6 Tổ dân phố Tân Phong, phường Thụy Phương	Phường Thụy Phương		2019-2020	Số 4764/QĐ-UBND 27/10/2015	2.386	-	2.386			-	-	100		100			
1.2	Chỉnh trang đường và xây dựng hệ thống thoát nước ngõ 351 từ dốc Bạc tổ dân phố Đình đến dốc Chùa Chèm tổ dân phố Đại Đồng (Giai đoạn 2)	Phường Thụy Phương		2019-2020	Số 4607/QĐ-UBND, 27/10/2015	6.513	-	6.513			-	-	100		100			
1.6	UBND phường Đồng Ngạc					8.993	-	8.993	-	1.300	-	1.300	2.200	-	2.200			
1	Chuẩn bị đầu tư					6.650	-	6.650	-	1.200	-	1.200	200	-	200			
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 163, ngõ 121 đường Đồng Ngạc tổ dân phố Đồng Ngạc 4, Ngõ 7/36 tổ dân phố Đồng Ngạc 2, Ngõ 21/34 tổ dân phố Đồng Ngạc 6; Ngõ 46 khu tập thể cát sỏi tổ dân phố Đồng Ngạc 7, phường Đồng Ngạc	Phường Đồng Ngạc		2019-2020	Số 4789/QĐ-UBND 28/10/2015	2.845	-	2.845			-	-	100		100			
1.2	Cải tạo đường, rãnh thoát nước ngách 521/21 đường An Dương Vương TDP Nhật Tảo 2, ngách 35/58 TDP Đồng Ngạc 2, ngách 21/58 TDP Đồng Ngạc 2, ngách 21/18 TDP Đồng Ngạc 6, ngách 104/31 tập thể bê tông TDP Đồng Ngạc 8, ngõ tập thể kinh doanh nhà TDP Đồng Ngạc 7 phường Đồng Ngạc (giai đoạn 2)	Phường Đồng Ngạc		2018-2019		3.805	-	3.805	-	1.200	-	1.200	100		100			
2	Thực hiện dự án					2.343	-	2.343	-	100	-	100	2.000	-	2.000			
2.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 4, ngõ 6 đường Đồng Ngạc TDP Đồng Ngạc 1, ngõ 139 đường Đồng Ngạc TDP Đồng Ngạc 4 và ngõ 94 + 96 đường Tân Xuân TDP Nhật Tảo 4, phường Đồng Ngạc	Phường Đồng Ngạc		2018-2019	8131/QĐ-UBND 30/10/2017	2.343	-	2.343		100	-	100	2.000		2.000			
1.7	UBND phường Đức Thắng					5.974	-	5.974	-	100	-	100	800	-	800			
1	Chuẩn bị đầu tư					5.191	-	5.191	-	-	-	-	100	-	100			
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước các tuyến đường ngõ chưa được duy tu bảo dưỡng trên địa bàn phường 20 tuyến, phường Đức Thắng	Phường Đức Thắng		2019-2020	Số 5011/QĐ-UBND 31/10/2015	5.191	-	5.191			-	-	100		100			
2	Thực hiện dự án					783	-	783	-	100	-	100	700	-	700			
2.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 1 và ngõ 9, 10A, 10B tập thể điện cơ, phường Đức Thắng	Phường Đức Thắng		2018-2019	5069/QĐ-UBND 14/7/2017	783	-	783		100	-	100	700		700			
1.8	UBND phường Xuân Đình					8.614	-	8.614	-	200	-	200	4.000	-	4.000			
1	Chuẩn bị đầu tư					4.410	-	4.410	-	-	-	-	100	-	100			
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 125 đường Tân Xuân và ngõ 256 đường Xuân Đình, ngõ 205 đường Xuân Đình (Từ Trạm Y Tế đến đường Ngoại giao); Ngõ 205/177 và rãnh thoát nước cửa Miếu Vũ và ngõ 207/103 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2019-2020	Số 4848/QĐ-UBND 29/10/2015	4.410	-	4.410			-	-	100		100			
2	Thực hiện dự án					4.204	-	4.204	-	200	-	200	3.900	-	3.900			
2.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 155, 205/102, 205/37/16, 205/37/26 và ngõ 205/189 đường Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2018-2019	Số 8092/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	2.097	-	2.097		100	-	100	1.900		1.900			
2.2	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 333, ngõ 333/48, ngõ 401 và các ngách nối với đường Xuân Đình, ngõ 207/167, ngõ 207/7 và ngõ 301, ngõ 306 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2018-2019	6411/QĐ-UBND 11/9/2017	2.107	-	2.107		100	-	100	2.000		2.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số	Ngân sách cấp TP			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I.9	UBND phường Cổ Nhuế 1					7.200	-	7.200	-	-	-	-	100	-	100
I	Chuẩn bị đầu tư					7.200	-	7.200	-	-	-	-	100	-	100
1.1	Cải tạo, chỉnh trang đường rãnh thoát nước ngõ 117, ngõ 195, ngõ 198, ngõ 273, ngõ 297, ngõ 319, ngõ 354, ngõ 546 - Trần Cung, phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1		2019-2020	Số 5038/QĐ-UBND 31/10/2015	7.200	-	7.200			-	-	100		100
I.10	UBND phường Cổ Nhuế 2					3.071	-	3.071	-	-	-	-	100	-	100
I	Chuẩn bị đầu tư					3.071	-	3.071	-	-	-	-	100	-	100
9	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Tảng Thiệt Giáp (Từ Đường PVĐ đến Ngõ 43), phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2		2019-2020	Số 4779/QĐ-UBND 28/10/2015	3.071	-	3.071			-	-	100		100
I.11	UBND phường Phú Diễn					20.061	-	20.061	-	-	-	-	400	-	400
I	Chuẩn bị đầu tư					20.061	-	20.061	-	-	-	-	400	-	400
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 11, 12 phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2019-2020	Số 4986/QĐ-UBND 31/10/2015	1.335	-	1.335			-	-	100		100
1.2	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 3,4,5,6,13, phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2019-2020	Số 4819/QĐ-UBND 29/10/2015	4.700	-	4.700			-	-	100		100
1.3	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 14,15,16,-7 ngõ, ngách, phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2019-2020	Số 4304/QĐ-UBND 13/10/2015	7.951	-	7.951			-	-	100		100
1.4	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 17, 18 phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2019-2020	Số 4985/QĐ-UBND 31/10/2015	6.075	-	6.075			-	-	100		100
I.12	UBND phường Phúc Diễn					1.100	-	1.100	-	-	-	-	100	-	100
I	Chuẩn bị đầu tư					1.100	-	1.100	-	-	-	-	100	-	100
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Đình Quán, phường Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2019-2020	Số 4854/QĐ-UBND 27/10/2015	1.100	-	1.100			-	-	100		100
I.13	UBND phường Minh Khai					5.607	-	5.607	-	-	-	-	100	-	100
I	Chuẩn bị đầu tư					5.607	-	5.607	-	-	-	-	100	-	100
1.1	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Văn Tù (đường ông Hùng - Công Uẩn; công cai - cầu kênh; công đầu hàng - trạm điện - xương trắng) và TDP Ngọa Long (nhà văn hóa Ngọa Long 2 - trạm bơm Ngọa Long), phường Minh Khai	Phường Minh Khai		2019-2020	Số 4795/QĐ-UBND 28/10/2015	5.607	-	5.607			-	-	100		100
I.14	UBND phường Tây Tựu					14.801	-	14.801	3.000	7.100	-	7.100	5.200	-	5.200
I	Thực hiện dự án					14.801	-	14.801	3.000	7.100	-	7.100	5.200	-	5.200
1.1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bờ Đông sông Pheo, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2017-2018	5381/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	13.611	-	13.611	3.000	7.000	-	7.000	4.200	-	4.200
1.2	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Hạ 9 (3 ngõ, ngách), Hạ 12(4 ngõ, ngách), TDP Hạ 11, 12 (6 ngõ, ngách), TDP Hạ 11, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2018-2019	8084/QĐ-UBND 27/10/2017	1.190	-	1.190		100	-	100	1.000	-	1.000
II	Ngành, lĩnh vực: Công trình HTXH Giáo dục, chương trình mua sắm giáo dục					1.735.262	-	1.735.262	52.500	216.501	-	216.501	289.200	-	289.200
II.1	Ban QLDA ĐTXD Quận					1.735.262	-	1.735.262	52.500	216.501	-	216.501	289.200	-	289.200
I	Chuẩn bị đầu tư					759.442	-	759.442	-	200	-	200	900	-	900
1.1	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2		2018-2020	Số 1670/QĐ-UBND, ngày 29/4/2016	26.871	-	26.871		100	-	100	100		100

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngân sách cấp TP							Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1.2	Xây dựng và bổ sung phòng học trường mầm non Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2018-2019	Số 949/QĐ-UBND, ngày 29/3/2015	18.234	-	18.234		100	-	100	100		100	
1.3	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Minh Khai A	Phường Minh Khai		2019-2020	Số 55/TTHĐND 20/6/2016	44.999	-	44.999		-	-	-	100		100	
1.4	Xây dựng bổ sung phòng học trường THCS Thụy Phương	Phường Thụy Phương		2019-2020	Số 987/QĐ-UBND 31/3/2016	19.026	-	19.026		-	-	-	100		100	
1.5	Xây dựng trường trung học cơ sở chất lượng cao Bắc Từ Liêm	Phường Tây Từ Liêm		2016-2020	Số 1659/QĐ-UBND 29/4/2016	188.350	-	188.350		-	-	-	100		100	
1.6	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Từ (NT - 01)	Phường Tây Từ Liêm		2016-2020	Số 1658/QĐ-UBND 29/4/2016	114.587	-	114.587		-	-	-	100		100	
1.7	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Từ (NT - 02)	Phường Tây Từ Liêm		2019-2023	Số 1662/QĐ-UBND 29/4/2016	94.372	-	94.372		-	-	-	100		100	
1.8	Xây dựng trường THCS trong khu chức năng đô thị Tây Từ (THCS - 01)	Phường Tây Từ Liêm		2019-2023	Số 1661/QĐ-UBND 29/4/2016	141.573	-	141.573		-	-	-	100		100	
1.9	Xây dựng trường Tiểu học trong khu chức năng đô thị Tây Từ (TH - 01)	Phường Tây Từ Liêm		2019-2023	Số 1660/QĐ-UBND 29/4/2016	111.430	-	111.430		-	-	-	100		100	
2	Thực hiện dự án					975.820	-	975.820	52.500	216.301	-	216.301	288.300	-	288.300	
2.1	Xây dựng trường THCS Đức Thắng	Phường Đức Thắng		2016-2018	Số 4796/QĐ-UBND 31/10/2015	80.678	-	80.678	6.000	50.079	-	50.079	22.500		22.500	
2.2	Mở rộng, cải tạo trường THCS Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2017-2018	Số 5357/QĐ-UBND, ngày 29/10/2016	54.158	-	54.158	6.500	20.200	-	20.200	28.800		28.800	
2.3	Xây dựng trường mầm non Phú Minh	Phường Minh Khai		2016-2020	Số 4975/QĐ-UBND 31/10/2015	78.762	-	78.762	2.500	20.379	-	20.379	17.000		17.000	
2.4	Xây dựng trường THCS Cổ Nhuế I	Phường Cổ Nhuế I		2016-2019	Số 4978/QĐ-UBND 31/10/2015	110.866	-	110.866	4.000	48.893	-	48.893	20.000		20.000	
2.5	Xây dựng trường tiểu học Đức Thắng	Phường Đức Thắng		2017-2019	Số 5367/QĐ-UBND, ngày 29/10/2016	123.918	-	123.918	19.000	41.250	-	41.250	30.000		30.000	
2.6	Xây dựng mới trường tiểu học Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2017-2020	Số 5360/QĐ-UBND, ngày 29/10/2016	132.670	-	132.670	14.500	34.200	-	34.200	26.000		26.000	
2.7	Cải tạo, sửa chữa phòng học, phòng chức năng trường tiểu học Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2018-2019	Số 4978/QĐ-UBND 43005	14.425	-	14.425		100	-	100	10.000		10.000	
2.8	Mua sắm thiết bị trường học diện tư trường tiểu học Tây Từ B	Phường Tây Từ Liêm		2018-2019	Số 7962/QĐ-UBND 24/10/2017	5.835	-	5.835		100	-	100	5.000		5.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018		
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
							Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận				Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2.9	Mua sắm thiết bị trường học điện tử trường tiểu học Minh Khai B	Phường Minh Khai		2018-2019	7960/QĐ-UBND 24/10/2017	3.427	-	3.427		100	-	100	3.000		3.000
2.10	Mở rộng và cải tạo trường tiểu học Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2018-2020	8121/QĐ-UBND 30/10/2017	48.486	-	48.486		100	-	100	14.000		14.000
2.11	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Tây Tựu A	Phường Tây Tựu		2018-2019	8104/QĐ-UBND 30/10/2017	30.745	-	30.745		100	-	100	12.000		12.000
2.12	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Tây Tựu B	Phường Tây Tựu		2018-2019	8105/QĐ-UBND 30/10/2017	26.615	-	26.615		100	-	100	13.000		13.000
2.13	Xây dựng trường THCS Phú Diễn A	Phường Phú Diễn		2018-2020	8106/QĐ-UBND 30/10/2017	176.390	-	176.390		100	-	100	44.000		44.000
2.14	Xây dựng trường mầm non Đồng Ngạc C	Phường Đồng Ngạc		2018-2020	8107/QĐ-UBND 30/10/2017	52.951	-	52.951		100	-	100	15.000		15.000
2.15	Mua sắm thiết bị trường học điện tử trường THCS Tây Tựu B	Phường Tây Tựu		2018-2019	7961/QĐ-UBND 24/10/2017	8.028	-	8.028		100	-	100	6.000		6.000
2.16	Mua sắm thiết bị trường học điện tử trường THCS Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2018-2019	7963/QĐ-UBND 24/10/2017	4.551	-	4.551		100	-	100	3.500		3.500
2.17	Mua sắm thiết bị trường học điện tử trường THCS Đồng Ngạc	Phường Đồng Ngạc		2018-2019	7958/QĐ-UBND 24/10/2017	7.155	-	7.155		100	-	100	6.000		6.000
2.18	Mua sắm thiết bị trường học điện tử trường THCS Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2018-2019	7957/QĐ-UBND 24/10/2017	7.625	-	7.625		100	-	100	6.000		6.000
2.19	Mua sắm thiết bị trường học điện tử trường THCS Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2018-2019	7959/QĐ-UBND 24/10/2017	8.535	-	8.535		100	-	100	6.500		6.500
III	Ngành, Lĩnh vực Văn hóa - TDTT					166.797	-	166.797	4.500	10.100	-	10.100	27.700	-	27.700
III.1	UBND phường Tây Tựu					22.440	-	22.440	-	300	-	300	14.500	-	14.500
1	Chuẩn bị đầu tư					6.000	-	6.000	-	-	-	-	200	-	200
1.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hạ 12 phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2017-2018	Số 4800/QĐ-UBND 28/10/2015	3.000	-	3.000			-	-	100		100
1.2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hạ 11 phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2017-2018	Số 4799/QĐ-UBND, ngày 28/10/2015	3.000	-	3.000			-	-	100		100

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
						Tổng số	Ngân sách cấp TP			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
2	Thực hiện dự án					16.440	-	16.440	-	300	-	300	14.300	-	14.300		
2.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 8 phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2017-2018	8267/QĐ-UBND 31/10/2017	4.650	-	4.650		100	-	100	4.000		4.000		
2.2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hạ 9, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2018-2019	5977/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	4.290	-	4.290		100	-	100	4.300		4.300		
2.3	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố số 15, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2017-2018	8265/QĐ-UBND 31/10/2017	7.500	-	7.500		100	-	100	6.000		6.000		
III.2	UBND phường Thượng Cát					5.500	-	5.500	-	-	-	-	200	-	200		
1	Chuẩn bị đầu tư					5.500	-	5.500	-	-	-	-	200	-	200		
1.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Thượng Cát 4, phường Thượng Cát	Phường Thượng Cát		2017-2018	3397/QĐ-UBND, ngày 31/8/2015	3.000	-	3.000			-	-	100		100		
1.2	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Thượng Cát 1, phường Thượng Cát	Phường Thượng Cát		2019-2020	Số 9504/QĐ-UBND Ngày 27/11/2017	2.500	-	2.500			-	-	100		100		
III.3	UBND phường Cổ Nhuế 2					9.521	-	9.521	-	-	-	-	200	-	200		
1	Chuẩn bị đầu tư					9.521	-	9.521	-	-	-	-	200	-	200		
1.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1, phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2		2017-2018	Số 4775/QĐ-UBND 28/10/2015	3.761	-	3.761			-	-	100		100		
1.2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đồng 3, Đồng 4, phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2		2017-2018	Số 4769/QĐ-UBND, ngày 27/10/2015	5.760	-	5.760			-	-	100		100		
III.4	Ban QLDA ĐTXD Quận					97.013	-	97.013	4.500	9.300	-	9.300	4.200	-	4.200		
1	Chuẩn bị đầu tư					78.907	-	78.907	-	100	-	100	200	-	200		
1.1	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao phường Xuân Tảo	Phường Xuân Tảo		2018-2020	126/TT HĐND ngày 12/6/2017	34.397	-	34.397			-	-	100		100		
1.2	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2018-2020	3594/QĐ-UBND, ngày 17/9/2015	44.510	-	44.510		100	-	100	100		100		
2	Thực hiện dự án					18.106	-	18.106	4.500	9.200	-	9.200	4.000	-	4.000		
2.1	Xây dựng, mở rộng trung tâm văn hóa - thể thao phường Minh Khai (giai đoạn 3)	Phường Minh Khai		2017-2018	5195/QĐ-UBND, ngày 27/10/2016	12.367	-	12.367	4.500	9.100	-	9.100	2.500		2.500		
2.2	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố Viên 1, phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2		2017-2018	8115/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	5.739	-	5.739		100	-	100	1.500		1.500		
III.5	UBND phường Xuân Tảo					4.342	-	4.342	-	100	-	100	100	-	100		
1	Chuẩn bị đầu tư					4.342	-	4.342	-	100	-	100	100	-	100		
1.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 7, phường Xuân Tảo	Phường Xuân Tảo		2018-2019	612/QĐ-UBND, ngày 2/3/2016	4.342	-	4.342		100	-	100	100		100		
III.6	UBND phường Cổ Nhuế 1					2.750	-	2.750	-	-	-	-	100	-	100		
1	Chuẩn bị đầu tư					2.750	-	2.750	-	-	-	-	100	-	100		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số	Ngân sách cấp TP			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
I.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng 1 và Hoàng 2, phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1		2016-2017	Số 4874/QĐ-UBND 30/10/2015	2.750	-	2.750			-	-	100		100	
III.7	UBND phường Đức Thắng						4.200	-	4.200	-	-	-	100	-	100	
1	Chuẩn bị đầu tư					4.200	-	4.200	-	-	-	-	100	-	100	
I.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 5 và số 7, phường Đức Thắng	Phường Đức Thắng		2017-2018	Số 5011/QĐ-UBND Ngày 31/10/2015	4.200	-	4.200			-	-	100		100	
III.8	UBND phường Minh Khai						8.326	-	8.326	-	100	-	100	3.100	-	3.100
1	Chuẩn bị đầu tư					4.900	-	4.900	-	-	-	-	100	-	100	
I.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Ngọa Long 2, phường Minh Khai	Phường Minh Khai		2018-2020	Số 8094/QĐ-UBND Ngày 27/10/2017	4.900	-	4.900			-	-	100		100	
2	Thực hiện dự án					3.426	-	3.426	-	100	-	100	3.000	-	3.000	
2.1	Chỉnh trang nhà văn hóa tổ dân phố Văn Tri 3 và nhà văn hóa tổ dân phố Nguyễn Xá 2, phường Minh Khai	Phường Minh Khai		2017-2019	8273/QĐ-UBND 31/10/2017	3.426	-	3.426		100	-	100	3.000		3.000	
III.9	UBND phường Xuân Đình						7.111	-	7.111	-	100	-	100	200	-	200
1	Chuẩn bị đầu tư					7.111	-	7.111	-	100	-	100	200	-	200	
I.1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 3, phường Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2017-2019	Số 4842/QĐ-UBND 29/10/2015	4.111	-	4.111		-	-	-	100		100	
I.2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 4 (TDP Trung cũ), phường Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2019-2020	Số 4832/QĐ-UBND 29/10/2015	3.000	-	3.000		100	-	100	100		100	
III.10	UBND phường Phú Diễn						5.594	-	5.594	-	200	-	200	5.000	-	5.000
1	Thực hiện dự án					5.594	-	5.594	-	200	-	200	5.000	-	5.000	
I.1	Cải tạo nhà văn hóa TDP số 2, phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2018-2019	8180/QĐ-UBND 31/10/2017	2.792	-	2.792		100	-	100	2.500		2.500	
I.2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 12, phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2017-2018	8114/QĐ-UBND 30/10/2017	2.802	-	2.802		100	-	100	2.500		2.500	
IV	Lĩnh vực: Công trình HTXH Văn hóa di tích lịch sử					112.022	-	112.022	-	2.900	-	2.900	42.800	-	42.800	
IV.1	UBND phường Cổ Nhuế 1						9.765	-	9.765	-	100	-	100	100	-	100
1	Chuẩn bị đầu tư					9.765	-	9.765	-	100	-	100	100	-	100	
I.1	Tu bổ, tôn tạo tam bảo chùa Trùng Hưng, phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1		2018-2019	Số 972/QĐ-UBND 31/3/2016	9.765	-	9.765		100	-	100	100		100	
IV.2	UBND phường Phúc Diễn						16.931	-	16.931	-	-	-	-	200	-	200
1	Chuẩn bị đầu tư					16.931	-	16.931	-	-	-	-	200	-	200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch vốn năm 2018				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số	Ngân sách cấp TP			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.1	Tu bổ, tôn tạo Tam bảo chùa Đình Quán, phường Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2019-2020	1308/QĐ-UBND 8/4/2016	12.606	-	12.606			-	-	100		100
1.1	Tu bổ, tôn tạo Tả mạc, Hữu mạc đình Đức Diễn, phường Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2019-2020	1309/QĐ-UBND 8/4/2016	4.325	-	4.325			-	-	100		100
IV.3	UBND phường Tây Tựu					14.632	-	14.632	-	100	-	100	4.400	-	4.400
1	Chuẩn bị đầu tư					8.732	-	8.732	-	-	-	-	100	-	100
1.1	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ họ Nguyễn Hữu Liêu, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2019-2020	983/QĐ-UBND 31/3/2016	8.732	-	8.732			-	-	100		100
2	Thực hiện dự án					5.900	-	5.900	-	100	-	100	4.300	-	4.300
2.1	Tu bổ, tôn tạo tòa Tam Bảo chùa Hưng Khánh, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2018-2019	8268/QĐ-UBND 31/10/2017	5.900	-	5.900		100	-	100	4.300		4.300
IV.4	UBND phường Đông Ngạc					35.495	-	35.495	-	2.300	-	2.300	17.100	-	17.100
1	Chuẩn bị đầu tư					11.590	-	11.590	-	-	-	-	100	-	100
1.1	Tu bổ, tôn tạo Trung tâm đình Nhật Tảo, phường Đông Ngạc	Phường Đông Ngạc		2019-2020	952/QĐ-UBND 30/3/2016	11.590	-	11.590			-	-	100		100
2	Thực hiện dự án					23.905	-	23.905	-	2.300	-	2.300	17.000	-	17.000
2.1	Tu bổ, tôn tạo nhà Tổ chùa Liên Ngạc, phường Đông Ngạc	Phường Đông Ngạc		2017-2018		5.900	-	5.900		2.100	-	2.100	3.000		3.000
2.2	Tu bổ, tôn tạo nhà Tả mạc, Hữu mạc đình Liên Ngạc, phường Đông Ngạc	Phường Đông Ngạc		2018-2019	8271/QĐ-UBND 31/10/2017	7.877	-	7.877		100	-	100	6.000		6.000
2.3	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Tổ, tam quan chùa Nhật Tảo, phường Đông Ngạc	Phường Đông Ngạc		2018-2019	8270/QĐ-UBND 31/10/2017	10.128	-	10.128		100	-	100	8.000		8.000
IV.5	UBND phường Minh Khai					8.982	-	8.982	-	200	-	200	7.500	-	7.500
1	Thực hiện dự án					8.982	-	8.982	-	200	-	200	7.500	-	7.500
1.1	Tu bổ, tôn tạo chùa Thanh Lâm, phường Minh Khai	Phường Minh Khai		2018-2019	8109/QĐ-UBND 30/10/2017	7.150	-	7.150		100	-	100	5.900		5.900
1.2	Tu bổ, tôn tạo chùa Bồ Đề, phường Minh Khai	Phường Minh Khai		2017-2018	4122/QĐ-UBND 30/5/2017	1.832	-	1.832		100	-	100	1.600		1.600
IV.6	UBND phường Phú Diễn					14.931	-	14.931	-	100	-	100	7.500	-	7.500
1	Thực hiện dự án					14.931	-	14.931	-	100	-	100	7.500	-	7.500
1.1	Tu bổ, tôn tạo chùa Bụt Mọc, phường Phú Diễn (giai đoạn 2)	Phường Phú Diễn		2018-2019	8108/QĐ-UBND 30/10/2017	14.931	-	14.931		100	-	100	7.500		7.500
IV.7	UBND phường Thượng Cát					11.286	-	11.286	-	100	-	100	6.000	-	6.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch vốn năm 2018					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
						Tổng số	Ngân sách cấp TP					Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Thực hiện dự án					11.286	-	11.286	-	100	-	100	6.000	-	6.000	
1.1	Tu bổ, tôn tạo Tam bảo chùa Kỳ Vũ, phường Thượng Cát	Phường Thượng Cát		2018-2019	8272/QĐ-UBND 31/10/2017	11.286	-	11.286		100	-	100	6.000		6.000	
V	Công trình HTXH Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	0		0	0 0	14.900	-	14.900	6.000	8.000	-	8.000	5.500	-	5.500	
V.1	Ban QLDA ĐTXD Quận					14.900	-	14.900	6.000	8.000	-	8.000	5.500	-	5.500	
1	Thực hiện dự án					14.900	-	14.900	6.000	8.000	-	8.000	5.500	-	5.500	
1.1	Cải tạo, nâng cấp chợ Xuân Đình II, phường Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2017-2018	Số 5378/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016	14.900	-	14.900	6.000	8.000	-	8.000	5.500		5.500	
VI	Lĩnh vực: Công trình HTXH cơ quan hành chính					537.330	-	537.330	10.668	40.627	-	40.627	48.100	-	48.100	
VI.1	Ban QLDA ĐTXD Quận					522.344	-	522.344	10.668	40.627	-	40.627	48.000	-	48.000	
1	Chuẩn bị đầu tư					406.300	-	406.300	-	100	-	100	600	-	600	
1.1	Xây dựng trụ sở làm việc phường Xuân Tảo	Phường Xuân Tảo		2018-2019	Số 4974/QĐ-UBND 31/10/2015	33.300	-	33.300		100	-	100	100		100	
1.2	Xây dựng trụ sở Quận ủy, HĐND, UBND quận Bắc Từ Liêm	Phường Minh Khai		2017-2020	103/HĐND-KTNS 31/3/2017	373.000	-	373.000			-		500		500	
2	Thực hiện dự án					116.044	-	116.044	10.668	40.527	-	40.527	47.400	-	47.400	
2.1	Xây dựng trụ sở làm việc phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2016-2018	Số 4977/QĐ-UBND 31/10/2015	41.806	-	41.806	4.668	10.227	-	10.227	27.400		27.400	
2.2	Xây dựng trụ sở làm việc phường Đức Thắng	Phường Đức Thắng		2016-2018	Số 4974/QĐ-UBND 31/10/2015	41.295	-	41.295	6.000	30.200	-	30.200	8.000		8.000	
2.3	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trụ sở ứng trực các lực lượng dân phòng, trụ sở công an 13 phường, chợ, đình, đền, chùa, miếu mạo trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm			2018-2019	Số 8291/QĐ-UBND 31/10/2017	19.000	-	19.000			-	-	8.000		8.000	
2.4	Xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng chức năng một cửa, phòng tiếp công dân trụ sở UBND phường Thụy Phương	Phường Thụy Phương		2018-2020	Số 3461/QĐ-UBND 4/9/2015	13.943	-	13.943		100	-	100	4.000		4.000	
VI.2	UBND phường Xuân Đình					14.986	-	14.986	-	-	-	-	100	-	100	
1	Chuẩn bị đầu tư					14.986	-	14.986	-	-	-	-	100	-	100	
1.1	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung phòng làm việc trụ sở phường Xuân Đình	Phường Xuân Đình		2019-2020	Số 1560/QĐ-UBND 22/4/2016	14.986	-	14.986			-	-	100		100	
VII	Công trình HTXH công viên - cây xanh					45.949	-	45.949	-	400	-	400	500	-	500	
VII.1	UBND phường Liên Mạc					4.600	-	4.600	-	100	-	100	100	-	100	
1	Chuẩn bị đầu tư					4.600	-	4.600	-	100	-	100	100	-	100	
1.1	Xây dựng điểm vui chơi, kết hợp cải tạo môi trường hồ Minh Đường, phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc		2018-2019	Số 4757/QĐ-UBND 27/10/2015	4.600	-	4.600		100	-	100	100		100	
VII.2	Ban QLDA ĐTXD Quận					32.756	-	32.756	-	200	-	200	300	-	300	
1	Chuẩn bị đầu tư					32.756	-	32.756	-	200	-	200	300	-	300	
1.1	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Hoàng 10,11 phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1		2018-2019	3799/QĐ-UBND 15-05-2017	2.619	-	2.619		100	-	100	100		100	
1.2	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Hoàng 9,15,8,12 phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1		2018-2019	3800/QĐ-UBND 15/5/2017	11.568	-	11.568		100	-	100	100		100	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch vốn năm 2018				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số	Ngân sách cấp TP			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp TP		Ngân sách cấp quận		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.3	Xây kè đá và cải tạo môi trường hồ Tân phương, phường Thụy Phương	Phường Thụy Phương		2018-2019	Số 4767/QĐ-UBND 27/10/2015	18.569	-	18.569			-	-	100		100
VII.3	UBND phường Tây Tựu					8.593	-	8.593	-	100	-	100	100	-	100
1	Chuẩn bị đầu tư					8.593	-	8.593	-	100	-	100	100	-	100
1.1	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh ao Dải cùm 11, ao Đồng Rôm, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2017-2018	Số 4797/QĐ-UBND 28/10/2015	8.593	-	8.593		100	-	100	100		100
VIII	Công trình HTKT khác					498.487	-	498.487	-	200	-	200	9.100	-	9.100
VIII.1	Ban QLDA ĐTXD Quận					494.203	-	494.203	-	100	-	100	5.200	-	5.200
1	Chuẩn bị đầu tư					479.220	-	479.220	-	-	-	-	200	-	200
1.1	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV01, DV02, DV03, DV05, DV06 phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Phường Tây Tựu		2016-2017	3058/QĐ-UBND, ngày 2/7/2016	78.960	-	78.960			-	-	100		100
1.2	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV07, DV10, DV12 phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Phường Tây Tựu		2016-2017	3063/QĐ-UBND, ngày 2/7/2016	90.260	-	90.260			-	-	100		100
1.3	Đầu tư QSDĐ hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long, phường Tây Tựu (vị trí 7), quận Bắc Từ Liêm	Phường Tây Tựu				33.000	-	33.000			-	-	-		-
1.4	Đầu tư QSDĐ hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long, phường Tây Tựu (vị trí 8A), quận Bắc Từ Liêm	Phường Tây Tựu				102.000	-	102.000			-	-	-		-
1.5	Đầu tư QSDĐ khu đất giáp khu trung tâm hành chính Quận	Phường Phúc Diễn				108.000	-	108.000			-	-	-		-
1.6	GPMB phục vụ đầu tư QSDĐ khu đất 3,1 ha phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu				67.000	-	67.000			-	-	-		-
2	Thực hiện dự án					14.983	-	14.983	-	100	-	100	5.000	-	5.000
2.1	Xây dựng bãi lưu giữ phương tiện giao thông vi phạm hành chính, phương tiện vi phạm trật tự cho công an quận Bắc Từ Liêm	Phường Phúc Diễn		2018-2019	8261/QĐ-UBND 31/10/2017	14.983	-	14.983		100	-	100	5.000		5.000
VIII.2	Trung tâm phát triển quỹ đất					4.284	-	4.284	-	100	-	100	3.900	-	3.900
1	Thực hiện dự án					4.284	-	4.284	-	100	-	100	3.900	-	3.900
1.1	Xây dựng HTKT đầu tư QSD đất khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Đồng Ngạc	Phường Đồng Ngạc		2017-2018	8263/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017	4.284	-	4.284		100	-	100	3.900		3.900
IX	Công trình HTKT Nghĩa trang					10.017	-	10.017	3.259	6.400	-	6.400	2.700	-	2.700
IX.1	UBND phường Phúc Diễn					7.923	-	7.923	3.259	6.300	-	6.300	800	-	800
1	Thực hiện dự án					7.923	-	7.923	3.259	6.300	-	6.300	800	-	800
1.1	Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn		2017-2018	Số 5223/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	7.923	-	7.923	3.259	6.300	-	6.300	800		800
IX.2	UBND phường Minh Khai					2.094	-	2.094	-	100	-	100	1.900	-	1.900
1	Thực hiện dự án					2.094	-	2.094	-	100	-	100	1.900	-	1.900
1.1	Chỉnh trang nghĩa trang Văn Long, phường Minh Khai	Phường Minh Khai		2017-2018	Số 8118/QĐ-UBND 30/10/2017	2.094	-	2.094		100	-	100	1.900		1.900
X	Công trình HTKT Cấp, thoát nước					81.085	-	81.085	11.153	19.600	-	19.600	17.300	-	17.300
X.1	Ban QLDA ĐTXD Quận					54.308	-	54.308	4.000	5.000	-	5.000	7.600	-	7.600
1	Chuẩn bị đầu tư					40.720	-	40.720	-	-	-	-	100		100

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Khối lượng TH từ 01/01/2017 đến hết ngày 15/11/2017	Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn năm 2018		
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
						Tổng số	Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận			Ngân sách cấp TP	Ngân sách cấp quận		Tổng số	Ngân sách cấp TP
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thoát nước đô thị kết hợp làm đường giao thông theo quy hoạch, phường Đức Thắng	Phường Đức Thắng		2019-2020	277/TT HĐND 27/11/2017	40.720	-	40.720			-	-	100		100
2	Thực hiện dự án					13.588	-	13.588	4.000	5.000	-	5.000	7.500	-	7.500
2.1	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước dân sinh sau trường tiểu học Thương Cát, kết hợp điểm vui chơi ao bà Đỗ Phi, ao Công Diễm tổ dân phố Thương Cát, phường Thương Cát	Phường Thương Cát		2017-2018	Số 5200/QĐ-UBND, ngày 27/10/2016	13.588	-	13.588	4.000	5.000	-	5.000	7.500		7.500
X.2	UBND phường Phú Diễn					14.907	-	14.907	2.800	7.000	-	7.000	6.400	-	6.400
1	Thực hiện dự án					14.907	-	14.907	2.800	7.000	-	7.000	6.400	-	6.400
1.1	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước, kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố Phú Diễn, phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn		2017-2018	5225/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	14.907	-	14.907	2.800	7.000	-	7.000	6.400		6.400
X.3	UBND phường Tây Tựu					11.870	-	11.870	4.353	7.600	-	7.600	3.300	-	3.300
1	Thực hiện dự án					11.870	-	11.870	4.353	7.600	-	7.600	3.300	-	3.300
1.1	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước kết hợp điểm vui chơi ao Vườn Cau tổ dân phố 1, ao Hồ Láng tổ dân phố 2, phường Tây Tựu,	Phường Tây Tựu		2017-2018	Số 5224/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	9.182	-	9.182	4.353	6.000	-	6.000	2.500		2.500
1.2	Xây kè đá và cải tạo môi trường ao Đình Trung Tựu, phường Tây Tựu	Phường Tây Tựu		2017-2018	Số 5237/QĐ-UBND ngày 6/4/2016	2.688	-	2.688	-	1.600	-	1.600	800		800

LIÊN T.Đ